FireAnt

CTCP Chiếu xạ An Phú (UPCOM: APC)

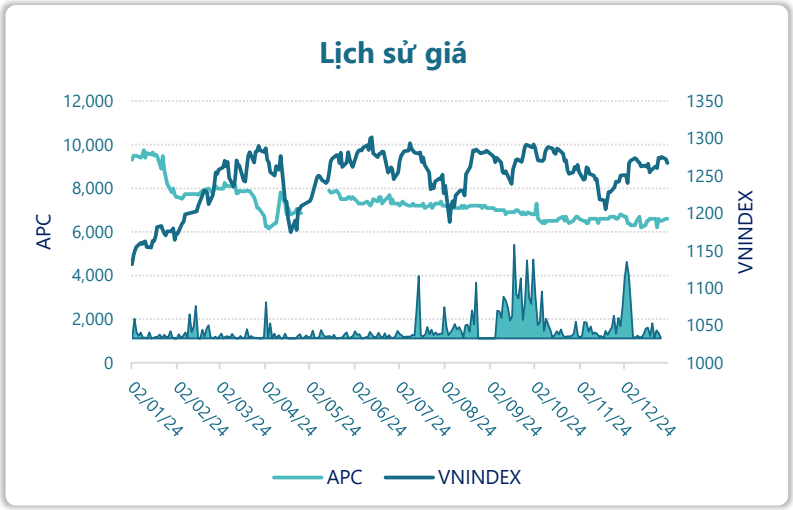

Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**6,600**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	
SL cổ phiếu LH	19,905,025
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,710
% sở hữu nước ngoài	14.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	131
P/E	-6.3
EPS	-1,048

DT thuần

Q4/24

32.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▼2.70| -7.8%

YoY: ▼3.60| -10.1%

LN sau thuế

Q4/24

-6.47

tỷ VNĐ

QoQ: ▼5.54| -595%

YoY: ▼0.53| -8.9%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

-0.3%

+/- YoY: ▲ 2.3%

DT thuần

2024

131

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 13.0| 11.2%

LN sau thuế

2024

-20.9

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 14.7| 41.4%

ROE

2024

-3.6%

+/- YoY: ▲ 2.3%

Kết quả kinh doanh

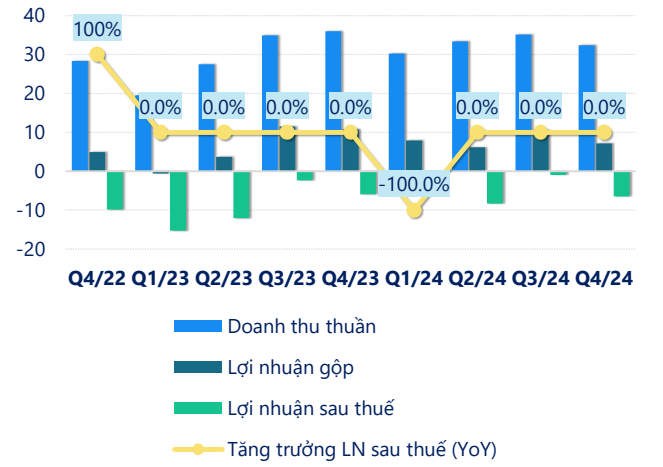

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

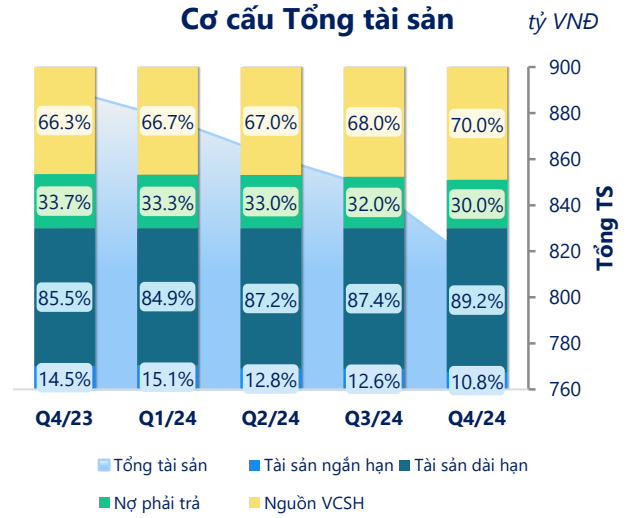

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

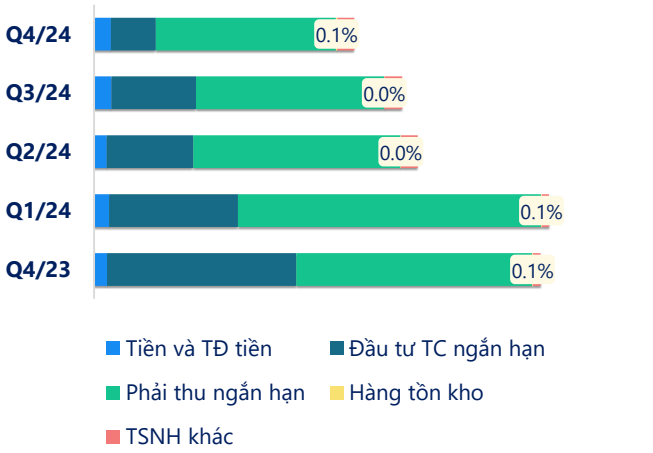

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

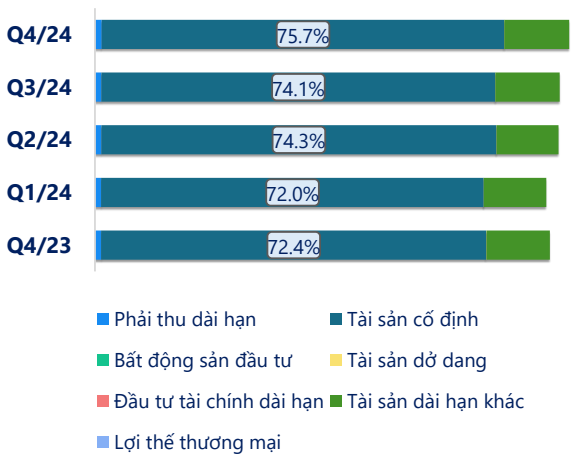

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

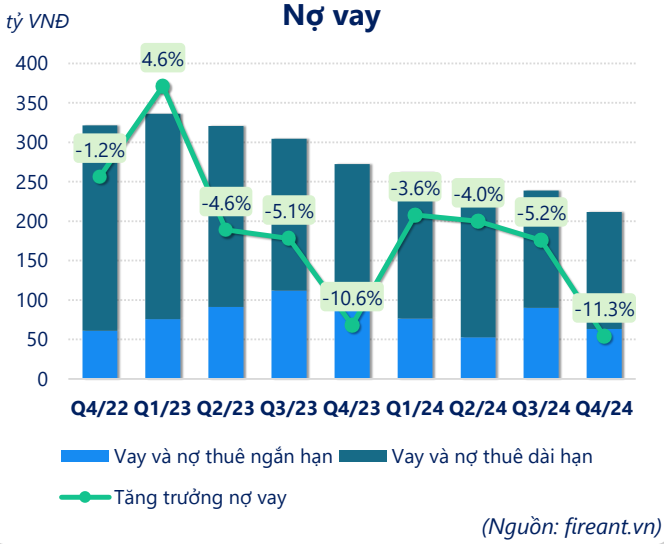

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

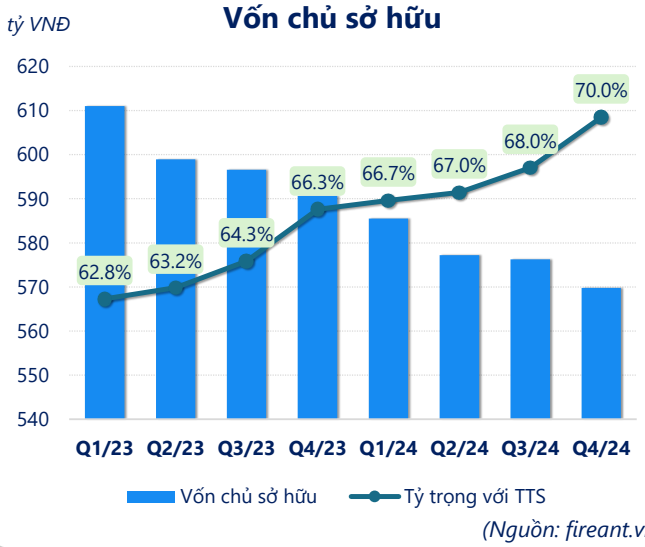

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

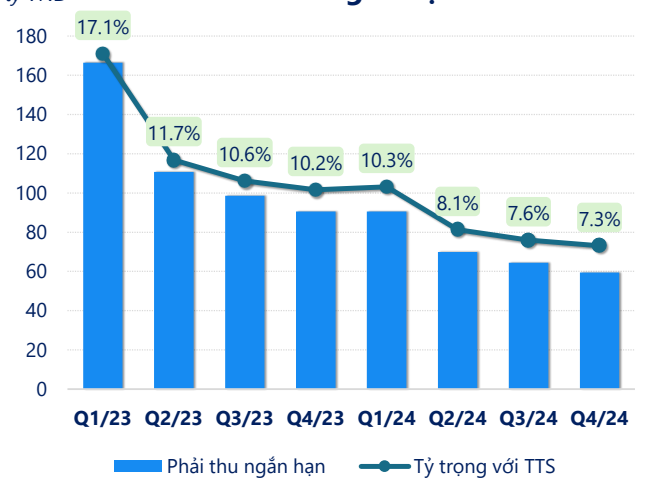

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

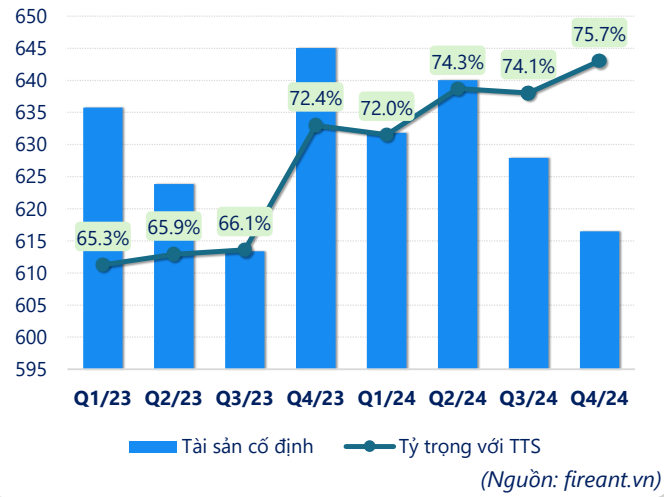

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

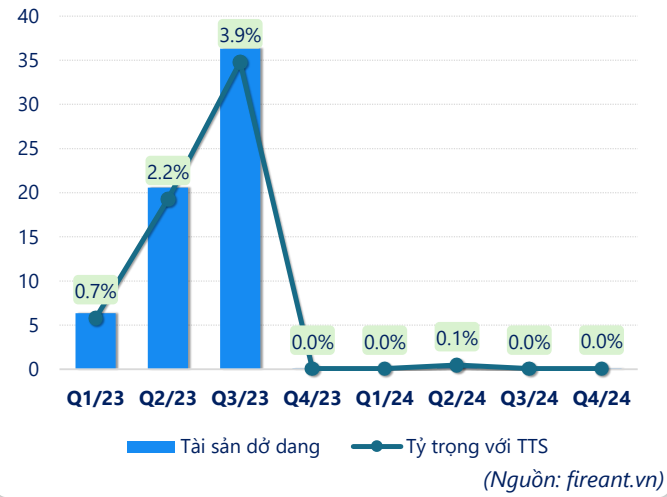

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

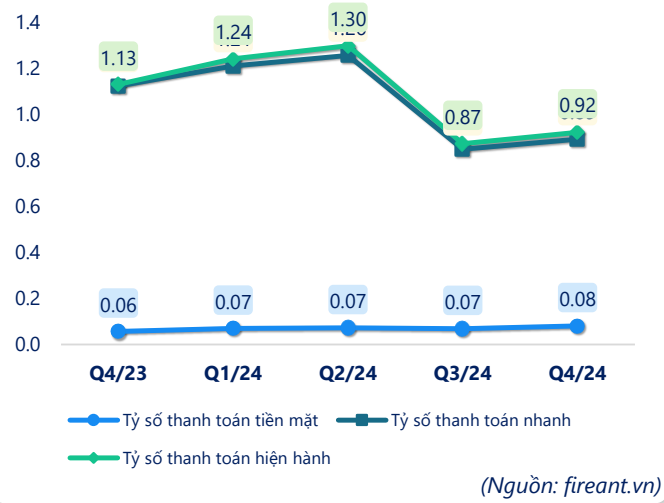

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

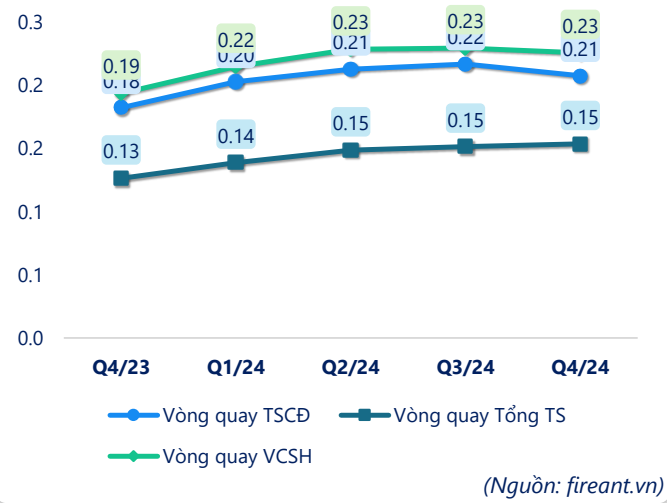

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**890**	**878**	**861**	**848**	**814**
Tài sản ngắn hạn	**129**	**133**	**111**	**107**	**87.9**
Tiền và tương đương tiền	6.48	7.43	6.13	8.37	7.69
Đầu tư tài chính ngắn hạn	22.7	23.1	23.4	23.6	10.6
Phải thu ngắn hạn	90.5	90.6	70.0	64.4	59.5
Hàng tồn kho	0.67	3.39	3.60	2.95	2.83
Tài sản ngắn hạn khác	8.63	8.14	7.48	7.32	7.22
Tài sản dài hạn	**762**	**745**	**751**	**741**	**726**
Phải thu dài hạn	10.3	10.3	10.3	10.3	10.3
Tài sản cố định	645	632	640	628	616
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.08	0.08	0.46	0.08	0.08
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	106	103	100.0	103	99.4
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**300**	**293**	**284**	**271**	**244**
Nợ ngắn hạn	**114**	**107**	**85.1**	**122**	**95.2**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	86.4	76.6	52.8	90.2	63.2
Phải trả người bán ngắn hạn	7.93	10.4	12.0	12.0	11.7
Nợ dài hạn	186	186	199	149	149
Vay và nợ thuê dài hạn	186	186	199	149	149
Nguồn vốn chủ sở hữu	**591**	**585**	**577**	**576**	**570**
Vốn chủ sở hữu	**591**	**585**	**577**	**576**	**570**
Vốn điều lệ	201	201	201	201	201
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)